

**KẾ HOẠCH**

**Thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của  
Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển  
Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025**

Thực hiện Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang ban hành kế hoạch thực hiện như sau:

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu tổng quát**

- Đẩy mạnh phát triển ứng dụng Công nghệ thông tin trên tất cả các lĩnh vực, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước, phục vụ người dân và doanh nghiệp. Nâng cao vị trí xếp hạng ICT Index của tỉnh Hà Giang lên mức khá so với các tỉnh/thành phố trên toàn quốc.

- Hoàn thiện nền tảng chính quyền điện tử nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; phát triển Chính phủ điện tử dựa trên dữ liệu và dữ liệu mở hướng tới chính quyền số, nền kinh tế số và xã hội số; bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng.

**2. Mục tiêu cụ thể**

*a) Giai đoạn 2019-2020:*

- Triển khai có hiệu quả việc gửi, nhận văn bản điện tử theo lộ trình quy định tại Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước; Chỉ thị số 32-CT/TU ngày 05/12/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT và làm việc trên môi trường mạng.

- Triển khai sử dụng Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước, xác định đây là hạ tầng truyền dẫn căn bản trong kết nối các hệ thống thông tin chính quyền điện tử và liên thông, chia sẻ dữ liệu trên hạ tầng Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh;

- 20% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính quyền điện tử được xác thực danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ tỉnh đến xã.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đạt từ 20% trở lên; tích hợp 30% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của tỉnh với Cổng Dịch vụ công quốc gia; 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện thông qua hệ thống một cửa, một cửa điện tử liên thông và dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

- Tối thiểu 30% dịch vụ công trực tuyến thực hiện ở mức độ 4; Triển khai Cổng dịch vụ trực tuyến của tỉnh trên thiết bị di động; 100% dịch vụ công được hỗ trợ sử dụng, giải đáp thắc mắc cho người dân, doanh nghiệp; 50% các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 100% Trang/cổng thông tin điện tử các cơ quan hành chính nhà nước công khai thông tin đầy đủ theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ; 20% dịch vụ công trực tuyến sử dụng chữ ký số để thực hiện thủ tục hành chính; 50% dịch vụ công trực tuyến xử lý bằng hồ sơ điện tử; 20% thông tin của người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến; 50% dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp.

- Phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc sử dụng thống nhất toàn tỉnh, được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia phục vụ gửi, nhận văn bản điện tử (không bao gồm văn bản mật); 90% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử; tối thiểu 80% hồ sơ công việc tại các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, 60% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 30% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- Tối thiểu 30% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) được gửi, nhận qua phần mềm cơ sở dữ liệu phục vụ chỉ đạo điều hành của tỉnh.

- Rút ngắn từ 30% - 50% thời gian họp, đảm bảo trên 95% các cuộc họp giữa các cấp chính quyền trong tỉnh được thực hiện trên hệ thống giao ban trực tuyến.

- 100% các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố được kết nối vào mạng số liệu chuyên dùng.

#### *b) Giai đoạn 2021 - 2025*

- Cổng dịch vụ công, phần mềm một cửa điện tử, một cửa điện tử liên thông của tỉnh được kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng dịch vụ công quốc gia; 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 phổ biến, liên quan tới nhiều người dân, doanh nghiệp được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia; 100% giao dịch trên Cổng

dịch vụ công và phần mềm một cửa điện tử, một cửa điện tử liên thông của tỉnh được xác thực điện tử.

- 40% số lượng người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính quyền điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền.

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 trên tổng số hồ sơ đạt từ 50% trở lên; 80% thủ tục hành chính đáp ứng yêu cầu được triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; tích hợp 50% các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của tỉnh với Cổng dịch vụ công quốc gia; tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- 60% các hệ thống thông tin của tỉnh có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu; thông tin của người dân, doanh nghiệp đã được số hóa và lưu trữ tại các cơ sở dữ liệu quốc gia không phải cung cấp lại.

- 90% hồ sơ công việc tại tỉnh, 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).

- 80% báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) của các cơ quan hành chính nhà nước được cập nhật, chia sẻ trên phần mềm cơ sở dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành của tỉnh.

- Triển khai nhân rộng Hệ thống thông tin phục vụ hợp và xử lý công việc của tỉnh đến các cấp chính quyền; đến cuối năm 2025, phấn đấu 100% cấp tỉnh, 80% cấp huyện thực hiện các cuộc họp liên cấp qua hệ thống trực tuyến của tỉnh.

## **II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

### **1. Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách về phát triển chính phủ điện tử**

a) Triển khai các chương trình, thỏa thuận hợp tác đảm bảo ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh; Tạo môi trường pháp lý thuận lợi, thu hút các thành phần kinh tế đầu tư cho phát triển công nghệ thông tin;

b) Xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành để cụ thể hóa các nội dung về an toàn thông tin theo hướng quy định về trách nhiệm bảo đảm an toàn thông tin đối với tổ chức, cá nhân; các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin;

c) Tổ chức đánh giá mức độ ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước tỉnh Hà Giang hàng năm.

d) Xây dựng các quy định, hướng dẫn về thu thập, cập nhật, chia sẻ, khai thác thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu nhằm bảo đảm khả năng tiếp cận và sử dụng cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

e) Rà soát, chỉnh sửa, bổ sung nội dung ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là giai đoạn 2019 - 2020.

f) Ban hành văn bản quy định quản lý, vận hành, sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng trong hoạt động cơ quan nhà nước, đảm bảo kết nối nội bộ các ứng dụng CNTT dùng chung của tỉnh.

g) Tiếp tục duy trì chính sách hỗ trợ đặc thù cho công chức, viên chức chuyên trách CNTT trong hoạt động cơ quan Đảng, Đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc, Nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh, đảm bảo nguồn lực để xây dựng Chính quyền điện tử.

## **2. Xây dựng nền tảng công nghệ phát triển Chính quyền điện tử của tỉnh**

a) Xây dựng, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh (phiên bản 2.0) phù hợp với Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam sau khi chính phủ ban hành; thường xuyên cập nhật, ban hành các phiên bản tiếp theo phù hợp với quy định và tình hình thực tiễn của địa phương.

b) Xây dựng, phát triển Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung của tỉnh và kết nối với nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu với quốc gia.

c) Đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố theo hướng kết hợp giữa mô hình tập trung tại Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh, đồng thời sử dụng mô hình phân tán dựa trên công nghệ điện toán đám mây; tối ưu hóa hạ tầng công nghệ thông tin theo hình thức thuê dịch vụ CNTT; tăng cường khả năng bảo mật, sao lưu, phòng chống thảm họa, bảo đảm vận hành ổn định, an toàn thông tin, an ninh mạng của các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu.

d) Triển khai kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Nhà nước đến các hệ thống mạng của các cơ quan trong tỉnh. Rà soát và triển khai mở rộng, kết nối mạng đến cấp phường, xã và các đối tượng theo yêu cầu, phù hợp với phạm vi kết nối.

## **3. Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử của tỉnh bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính**

a) Duy trì có hiệu quả hệ thống trực tuyến truyền hình của tỉnh phục vụ họp và xử lý công việc của tỉnh, phục vụ chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh để rút ngắn thời gian họp, giảm giấy tờ hành chính và nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước.

b) Tổ chức triển khai Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Nâng cấp Cổng dịch vụ công, phần mềm một cửa, một cửa điện tử liên thông của tỉnh, tổ chức thực hiện kết nối, tích hợp

chia sẻ dữ liệu với Công dịch vụ công quốc gia thông qua cơ chế đăng nhập một lần từ Công dịch vụ công quốc gia.

c) Xây dựng phần mềm cơ sở dữ liệu để tích hợp, chia sẻ dữ liệu báo cáo trong các cơ quan hành chính nhà nước nhằm tổng hợp thông tin vào kho dữ liệu chung, phân tích dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định phục vụ chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan hành chính nhà nước các cấp và hỗ trợ đánh giá hiệu quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

d) Tổ chức chuẩn hóa cấu trúc, hệ thống hóa mã định danh, thực hiện số hóa dữ liệu và cung cấp danh mục dữ liệu đã được số hóa theo quy định để tích hợp, chia sẻ giữa các hệ thống thông tin của các cơ quan nhà nước bảo đảm dữ liệu được thu thập một lần.

#### **4. Xây dựng Chính quyền điện tử bảo đảm gắn kết chặt chẽ với bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, an ninh quốc gia, bảo vệ thông tin cá nhân**

a) Xây dựng các hệ thống kỹ thuật bảo đảm an toàn thông tin phục vụ phát triển chính phủ điện tử, gồm: hệ thống xử lý tấn công mạng Internet; hệ thống chia sẻ thông tin các cuộc tấn công mạng, mối đe dọa, nguy cơ về an toàn thông tin mạng; hệ thống giám sát, cảnh báo sớm về nguy cơ an ninh mạng; hệ thống hỗ trợ điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng.

b) Triển khai dịch vụ chứng thực chữ ký số cho các hệ thống thông tin và thiết bị di động để thuận tiện cho việc sử dụng của người dân, doanh nghiệp, cán bộ, công chức, viên chức, các cơ quan nhà nước.

c) Hướng dẫn công tác bảo đảm an toàn thông tin cho các hệ thống nền tảng, hệ thống phục vụ phát triển Chính quyền điện tử của tỉnh; đẩy mạnh triển khai các hoạt động bảo đảm an toàn thông tin theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.

#### **5. Bảo đảm các nguồn lực triển khai xây dựng Chính quyền điện tử**

a) Chú trọng xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, tập huấn cho các cán bộ, công chức, viên chức về Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử, khai thác sử dụng các hệ thống thông tin, làm việc trên môi trường mạng, sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 (đối với người dân, doanh nghiệp).

b) Nghiên cứu, xây dựng cơ chế khuyến khích, chính sách ưu đãi để thu hút nhân lực tham gia xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử trong bộ máy nhà nước.

c) Nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ triển khai, phát triển Chính quyền điện tử.

d) Huy động các nguồn lực ưu tiên xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn lực nguồn lực của tỉnh.

e) Tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính công ích trong việc triển khai Chính quyền điện tử; trong việc hỗ trợ các cá nhân, tổ chức, đặc biệt là các cá nhân, tổ chức trên địa bàn xã thực hiện các dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.

f) Tích cực triển khai chương trình truyền thông để nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về phát triển Chính quyền điện tử.

### **III. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN**

*(lộ trình thực hiện Kế hoạch kèm theo)*

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Ban chỉ đạo Chính quyền điện tử tỉnh Hà Giang:**

a) Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử trực tiếp chỉ đạo công tác xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử. Trưởng Ban Chỉ đạo là Chủ tịch UBND tỉnh, Ban chỉ đạo có Tổ công tác giúp việc, đóng vai trò là cơ quan bảo đảm thực thi triển khai việc xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử. Trong đó, Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan thường trực Ban chỉ đạo, Tổ giúp việc về Chính quyền điện tử của tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông và Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh là hai hạt nhân xây dựng Chính quyền điện tử bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng công nghệ thông tin và cải cách thủ tục hành chính tại địa phương mình.

b) Xây dựng và ban hành Bộ chỉ số đo lường, đánh giá hiệu quả, chất lượng thực thi nhiệm vụ triển khai xây dựng Chính quyền điện tử; xây dựng cơ chế theo dõi, đánh giá, giám sát trách nhiệm giải trình, ra quyết định và xử lý kịp thời các vướng mắc về thể chế, nguồn lực tài chính, giải pháp công nghệ và con người để bảo đảm thực thi có hiệu quả mục tiêu xây dựng Chính quyền điện tử của tỉnh.

#### **2. Ban Tổ chức - Nội vụ:**

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính, cải cách chế độ công vụ, công chức; Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực công nghệ thông tin và chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tinh ưu tiên bố trí kinh phí cho việc tập huấn, bồi dưỡng kiến thức công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức.

### **3. Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh:**

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông triệu tập các cuộc họp định kỳ, đột xuất, đôn đốc chuẩn bị các nội dung của cuộc họp liên quan đến những vướng mắc của từng nhiệm vụ trong quá trình thực hiện Kế hoạch.

b) Tổ chức, hướng dẫn, triển khai các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin theo kết luận của Ban Chỉ đạo Chính quyền điện tử tỉnh Hà Giang tại các hội nghị thường xuyên và đột xuất của Ban Chỉ đạo.

c) Trực tiếp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch, định kỳ báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

### **4. Sở Thông tin và Truyền thông:**

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức xây dựng Chính quyền điện tử cấp tỉnh và triển khai các nội dung được nêu tại Kế hoạch này. Theo dõi, đôn đốc các thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch này.

b) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, tổ chức tuyên truyền, phổ biến mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch này;

c) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí ngân sách để triển khai Kế hoạch này.

d) Chủ trì tham mưu cơ chế, chính sách pháp luật tạo hành lang pháp lý đầy mạnh ứng dụng CNTT trên địa bàn tỉnh.

e) Thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực công nghệ thông tin của tỉnh; các giải pháp quản lý, cung cấp và khai thác chữ ký số chuyên dùng trong hoạt động cơ quan hành chính nhà nước.

### **5. Sở Kế hoạch và Đầu tư:**

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố bố trí kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch này;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài chính tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc bố trí lồng ghép các nguồn vốn đầu tư phát triển từ ngân sách tỉnh cho các dự án, nhiệm vụ trong dự toán ngân sách hàng năm cho ứng dụng công nghệ thông tin của các cơ quan nhà nước.

## 6. Sở Tài chính:

Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố bố trí kinh phí chi thường xuyên nguồn ngân sách tỉnh để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch này.

## 7. Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện thành phố:

a) Căn cứ vào Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025 và Kế hoạch này để xây dựng, cụ thể hóa các nhiệm vụ, tổ chức thực hiện nghiêm túc có hiệu quả; định kỳ hàng năm, đánh giá tình hình thực hiện gửi Cơ quan Thường trực Ban chỉ đạo để tổng hợp, báo cáo Ủy Ban nhân dân tỉnh.

b) Triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương, Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và tích hợp lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Cổng dịch vụ công Quốc gia.

c) Chỉ đạo đưa mục tiêu, nhiệm vụ ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin vào kế hoạch công tác dài hạn và hàng năm; gắn nội dung ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin với các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020; bảo đảm ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin là nội dung bắt buộc, quan trọng trong từng kế hoạch phát triển, cũng như từng đề án, dự án đầu tư của đơn vị.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch này, nếu có khó khăn vướng báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp) để xem xét, giải quyết./.

### Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TTr. Tỉnh ủy; TTr. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP ĐDBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Vnptioffice;
- Lưu: VT, CV: Cảnh, Hồng *vt*



KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Đức Quý





## LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số AAA /KH-UBND ngày 05 tháng 4 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)

STT	Tên nhiệm vụ, dự án	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện, hoàn thành		Ghi chú
				2019-2020	2021-2025	
<b>I</b>	<b>Xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách về phát triển chính phủ điện tử</b>					
1	Hướng dẫn triển khai áp dụng Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh đã được ban hành trong quá trình xây dựng Chính quyền điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	X	X	Thực hiện hướng dẫn sau khi ban hành
2	Đánh giá mức độ ứng dụng CNTT Chính quyền điện tử tỉnh Hà Giang	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	X	X	Thực hiện hàng năm
3	Xây dựng các văn bản thi hành về bảo đảm an toàn thông tin đối với tổ chức, cá nhân; các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin;	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	X	X	Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông
4	Hướng dẫn công tác bảo đảm an toàn thông tin triển khai Chính quyền điện tử; đẩy mạnh triển khai các hoạt động bảo đảm an toàn thông tin theo quy định tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	X	X	Thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông
5	Quy định quản lý, vận hành, sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng trong hoạt động cơ quan nhà nước, đảm bảo kết nối nội bộ các ứng dụng	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2019		

	CNTT dùng chung của tỉnh.					
6	Duy trì chính sách hỗ trợ đặc thù cho công chức, viên chức chuyên trách CNTT	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2019		
7	Thành lập Ban chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	2019		
<b>II</b>	<b>Xây dựng nền tảng công nghệ phát triển Chính quyền điện tử của tỉnh</b>					
1	Xây dựng, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử cấp tỉnh (phiên bản 2.0)	Sở Thông tin và Truyền thông	các Sở, Ban, ngành có liên quan	X	X	Thường xuyên cập nhật, bổ sung
2	Xây dựng, hoàn thiện nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung của tỉnh (LGSP)	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, Ban, ngành có liên quan	X	X	Kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin của các bộ, ngành, trung ương
3	Đầu tư, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh, sẵn sàng cung cấp đủ hạ tầng cần thiết cho phát triển các ứng dụng dùng chung, chuyên ngành và lưu trữ tập trung các hệ thống cơ sở dữ liệu.	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính		X	
4	Kết nối, sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước trên toàn tỉnh để triển khai các phần mềm dùng chung của tỉnh đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố và doanh nghiệp viễn thông	X	X	
5	Xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ	Các Sở, Ban,	Văn phòng Đoàn	X	X	Thực hiện theo

	liên huyện ngành, kết nối liên thông, cửa sổ với Công dịch vụ công trực tuyến và phần mềm một cửa điện tử, một cửa điện tử liên thông	ngành có liên quan; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh	ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh			hướng dẫn của Bộ, ngành trung ương
6	Kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia phục vụ gửi, nhận văn bản điện tử với phần mềm quản lý văn bản và điều hành công việc của tỉnh	Văn phòng Đoàn ĐBQH-HĐND-UBND	Sở, Ban, ngành có liên quan	X	X	
<b>III</b>	<b>Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử bảo đảm gắn kết chặt chẽ giữa ứng dụng công nghệ thông tin với cải cách hành chính</b>					
1	Xây dựng, hoàn thiện Công Dịch vụ công trực tuyến, phần mềm một cửa, một cửa điện tử liên thông	Văn phòng ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh	Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	X	X	
2	Xây dựng phần mềm CSDL phục vụ chỉ đạo điều hành của tỉnh, kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	X	X	
3	Xây dựng đô thị thông minh cho thành phố Hà Giang	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	X		Theo đề án được duyệt
4	Tăng cường cuộc họp trực tuyến trên hệ thống giao ban trực tuyến từ tỉnh đến huyện, xã	Văn phòng ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	X	X	
5	Tổ chức chuẩn hóa cấu trúc, hệ thống hóa mã định danh, thực hiện số hóa dữ liệu	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	X	X	

IV	<b>Xây dựng Chính phủ điện tử bảo đảm gắn kết chặt chẽ với bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, an ninh quốc gia, bảo vệ thông tin cá nhân</b>					
1	Triển khai cung cấp chữ ký số, xác thực điện tử cho các hệ thống thông tin	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	X	X	Phối hợp đơn vị thuộc Ban cơ yếu Chính phủ
2	Triển khai các giải pháp phòng chống, xử lý tấn công mạng Internet;	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	X	X	Phối hợp đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông
3	Điều phối và ứng cứu tấn công mạng, các mối đe dọa, nguy cơ về an toàn thông tin mạng	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	X	X	Phối hợp đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông
4	Thực hiện giám sát, cảnh báo sớm về nguy cơ an ninh mạng	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	X	X	Phối hợp đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông
5	Triển khai hệ thống hỗ trợ điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	X	X	Phối hợp đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông
V	<b>Bảo đảm các nguồn lực triển khai xây dựng Chính quyền điện tử</b>					
1	Xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo, tập huấn cho các cán bộ, công chức, viên chức về Chính phủ điện tử	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thành phố	X	X	
2	Huy động các nguồn lực ưu tiên xây dựng Chính phủ điện tử/Chính quyền điện tử	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông	X	X	